

**THỦ TỤC: HỒ SƠ CẤP, GIA HẠN THỊ THỰC NHẬP XUẤT CẢNH
VÀ CẤP, GIA HẠN THẺ TẠM TRÚ
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC PCPNN HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM**

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức nộp hồ sơ đầy đủ tới Cơ quan Thường trực của Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (Ủy ban) là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và nộp phí làm thủ tục theo quy định đối với trường hợp gia hạn thị thực và cấp, gia hạn thẻ tạm trú.
- Bước 2: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tiến hành tiếp nhận, xử lý hồ sơ và xác nhận bảo lãnh cho các TCPCPNN.
- Bước 3: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam chuyển hồ sơ sang Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc các tổ chức có thể tự chuyển hồ sơ sang Cục Quản lý xuất nhập cảnh sau khi có giấy giới thiệu của Cơ quan thường trực.
- Bước 4: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam nhận kết quả từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh và thông báo cho tổ chức qua email/fax hoặc tổ chức đến nhận trực tiếp.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam (Cơ quan thường trực của Ủy ban) thông qua Ban Điều phối viện trợ nhân dân (PACCOM) tại địa chỉ: 105A Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội.
- Thông qua Cổng thông tin điện tử của Ủy ban: <http://portal.comingo.gov.vn/dang-nhap.html>.
- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

❖ Hồ sơ cấp mới thị thực:

- Đối với các Trưởng Đại diện, Trưởng Văn phòng dự án và người chịu trách nhiệm về hoạt động tại Việt Nam của TCPCP (có tên trong Giấy đăng ký được cấp):

+ Thư đề nghị do người có thẩm quyền ký bao gồm các thông tin cơ bản sau:

- Chi tiết cá nhân của đối tượng xin thị thực, chi tiết hộ chiếu, mục đích nhập cảnh, nơi nhận thị thực (nêu rõ tên Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài/ cửa khẩu quốc tế kèm lý do xin nhận thị thực tại cửa khẩu), loại thị thực (một lần/nhiều lần), thời gian nhập cảnh, thời hạn thị thực;

- Thông tin chi tiết về nhân thân đi kèm (nếu có) và mục đích nhập cảnh, giấy tờ chứng minh quan hệ với người đi cùng (Giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh được dịch công chứng hợp lệ);

- + Bản sao các trang thông tin chính của hộ chiếu (hộ chiếu phải còn thời hạn ít nhất 06 tháng tính từ thời điểm nhập cảnh);

- + Sơ yếu lý lịch (CV);

- + Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (nếu thời hạn thị thực đề nghị trên 90 ngày);

- + Bản sao Giấy Đăng ký của tổ chức;

+ Giấy tờ chứng minh quan hệ của cá nhân xin thị thực với người đi cùng được dịch công chứng hợp lệ (Giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh).

- *Đối với các cán bộ làm việc cho TCPCPNN:*

+ Thư đề nghị do người có thẩm quyền ký bao gồm các thông tin cơ bản sau:

- Chi tiết cá nhân của đối tượng xin thị thực, mục đích nhập cảnh, nơi nhận thị thực (nêu rõ tên Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài/ cửa khẩu quốc tế kèm lý do xin nhận thị thực tại cửa khẩu), loại thị thực (một lần/nhiều lần), thời gian nhập cảnh;

- Thông tin chi tiết về nhân thân đi kèm (nếu có) và mục đích nhập cảnh, giấy tờ chứng minh quan hệ với người đi cùng (Giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh được dịch công chứng hợp lệ);

+ Bản sao các trang thông tin chính của hộ chiếu (hộ chiếu phải còn thời hạn ít nhất 06 tháng tính từ thời điểm nhập cảnh);

- Giấy phép lao động đối với cán bộ hoặc Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với tình nguyện viên (nếu thời hạn thị thực đề nghị trên 90 ngày);

- Bản sao hợp đồng lao động (kèm theo văn bản dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

- Chương trình làm việc dự kiến.

- *Đối với chuyên gia tư vấn, khách thăm ngắn hạn, khách vào họp nội bộ ít hơn 90 ngày (Lưu ý: khách vào họp nội bộ, hội nghị, hội thảo sẽ được giải quyết thị thực sau khi việc tổ chức hội nghị, hội thảo được đồng ý bởi cơ quan có thẩm quyền).*

+ Thư đề nghị do người có thẩm quyền ký bao gồm các thông tin cơ bản sau:

- Chi tiết cá nhân của đối tượng xin thị thực, chi tiết hộ chiếu, mục đích nhập cảnh, nơi nhận thị thực (nêu rõ tên Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài/ cửa khẩu quốc tế kèm theo lý do xin nhận thị thực tại cửa khẩu), loại thị thực (một lần/nhiều lần), thời gian nhập cảnh, thời hạn thị thực;

- Thông tin chi tiết về nhân thân đi kèm (nếu có) và mục đích nhập cảnh, giấy tờ chứng minh quan hệ với người đi cùng (Giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh được dịch công chứng hợp lệ);

- Bản sao các trang thông tin chính của hộ chiếu (hộ chiếu phải còn thời hạn ít nhất 06 tháng tính đến thời điểm nhập cảnh).

- Bản mô tả công việc sẽ làm (TOR) nếu có.

- Sơ yếu lý lịch (CV) (nếu có).

- Chương trình làm việc cụ thể.

❖ **Hồ sơ gia hạn thị thực**

- Thư đề nghị của tổ chức do người có thẩm quyền ký, nêu rõ yêu cầu và lý do xin gia hạn.

- Tờ khai theo mẫu có chữ ký của đương sự (mẫu NA5 do Cục Quản lý Xuất nhập cảnh qui định).

- Giấy phép lao động hoặc Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao

động còn thời hạn sau ngày đề nghị gia hạn thị thực (nếu đã ở Việt Nam trên 90 ngày).

- Giấy xác nhận tạm trú do công an phường, xã nơi đương sự cư trú.
- Bản sao Giấy Đăng ký của tổ chức.
- Trường hợp cần xác nhận thị thực đang gia hạn để đi công tác hoặc di chuyển ngoài địa phương cư trú hoặc cần cấp thị thực rời khi chưa được cấp lại hộ chiếu mới do hộ chiếu cũ hết trang/thất lạc, nộp 02 ảnh 3x4.
- Trường hợp gia hạn thị thực cho thân nhân của nhân viên các TCPCP cần bổ sung:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (nếu là vợ hoặc chồng);
 - + Giấy khai sinh (nếu là con);
 - + Hoặc giấy xác nhận của Đại sứ quán của nước có quốc tịch chứng minh quan hệ thân nhân.

(Các giấy tờ này phải dịch sang tiếng Việt và công chứng hợp lệ. Thị thực sẽ được xem xét theo thời hạn thị thực của thân nhân đã được cấp).

** Lưu ý : Kể từ ngày 01/7/2020, những trường hợp không xin thị thực thông qua Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam sẽ được chuyển đổi mục đích thị thực và được hỗ trợ bảo lãnh gia hạn thị thực (theo Khoản 4, Điều 7, Luật 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của).*

❖ Hồ sơ cấp mới và gia hạn thẻ tạm trú:

- Thư đề nghị của tổ chức do người có thẩm quyền ký, nêu rõ yêu cầu và lý do xin cấp thẻ tạm trú;
- Tờ khai theo mẫu có ký tên của đương sự (mẫu NA8 do Cục Quản lý Xuất nhập cảnh qui định);
- 02 ảnh 2x3;
- Giấy phép lao động hoặc Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn sau ngày đề nghị cấp thẻ tạm trú;
- Giấy xác nhận tạm trú do công an phường, xã nơi đương sự cư trú.

** Thời hạn thẻ tạm trú được cấp ngắn hơn thời hạn còn lại của hộ chiếu ít nhất 30 ngày.*

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh (A72) - Bộ Công an.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Điều phối viện trợ nhân dân thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, cơ quan Thường trực của Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Công văn thông báo kết quả thị thực, gia hạn thị thực, thẻ tạm trú.

i) Lệ phí: Tổ chức nộp lệ phí thị thực theo quy định của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

- Mẫu NA5: Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú

- Mẫu NA8: Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 47/2014/QH13 quy định về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

- Luật số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13;

- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

- Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTĐ hướng dẫn thi hành Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 và các biểu mẫu liên quan đến việc xin cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài;

- Thông tư 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION

Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

I- Người đề nghị *The applicant:*

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Quốc tịch gốc:5- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 6- Nghề nghiệp/chức vụ:
Occupation/position
- 7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:loại (2): *Passport or International Travel Document number Type*
Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
- 8- Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../.....qua cửa khẩu:
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port
Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry
- 9- Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....
Permitted to remain until (Day, Month, Year)
- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:
Temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email
Contact telephone number/Email

II- Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:
Hosting organisation/ family relative in Viet Nam

- 1- Tên cơ quan, tổ chức *Name of hosting organisation:*
.....
Địa chỉ *Address*
Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*
- 2- Thân nhân bảo lãnh (Họ tên):
Hosting family relative (full name)
Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số:
Identity Card/Passport/Permanent/ Temporary Resident Card Number
Cấp ngày:cơ quan cấp:
Issuing date Issuing authority

Quan hệ với người đề nghị: (3)

Relationship to the applicant

Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:

Permanent/temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

III- Nội dung đề nghị Requests:

1- Cấp thị thực: một lần nhiều lần có giá trị đến ngày:/...../.....

To issue a visa Single Multiple Valid to (Day, Month, Year)

2- Gia hạn tạm trú đến ngày:/...../.....

To extend the duration of stay until (Day, Month, Year)

3- Lý do

Reason(s).....

IV- Những điều cần trình bày thêm Additional statements:

.....

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....

Done at date (Day, Month, Year)

Xác nhận (4) *Certified by*
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Người bảo lãnh
(ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor's signature and
full name

Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and
full name

Ảnh -
photo
2x3 cm
See notes
(2)

**Mẫu
(Form) NA8**

Ban hành kèm theo thông tư số 04 /2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TẠM TRÚ (1)
INFORMATION FORM FOR A TEMPORARY RESIDENT CARD
Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

- 1- Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam Nữ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:
Nationality at birth Current nationality
- 6- Nghề nghiệp/chức vụ:
Occupation/ position
- 7- Hộ chiếu số..... Loại: Phổ thông Công vụ Ngoại giao
Passport Number Type: Ordinary Official Diplomatic
Cơ quan cấp: ngày...../...../.....
Issuing authority Expiry date (Day, Month, Year)
- 8- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam
Your residential and business address before coming to Viet Nam
- Địa chỉ cư trú *Residential address*:
- Nơi làm việc *Business address*:
- 9- Nhập cảnh Việt Nam ngày:/...../..... qua cửa khẩu:
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port
Mục đích nhập cảnh: (3)
Purpose of entry
- 10- Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....
Permitted to remain until (Day, Month, Year)
- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:
Temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email:
Contact telephone number/Email
- 11- Nội dung đề nghị *Requests*:
- Cấp thẻ tạm trú có giá trị đến ngày...../...../.....
To issue a Temporary Resident Card valid until (Day, Month, Year)
- Lý do *Reason(s)*: (4)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.
I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại: ngày tháng năm
Done at date (Day, Month, Year)
Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name